

Coteccons (CTD)

Đã phản ánh kỳ vọng, chờ đợi KQKD

18/03/2025

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyenn1@kbsec.com.vn
(+84) 24-7303-5333

CTD hoàn thành 46% kế hoạch năm trong 1H FY25

Doanh thu và LNST cổ đông ty mẹ đạt 11,645/199 tỷ VND (tăng 19%/47% YoY) trong 1H FY25. Động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng trên tới từ mảng kinh doanh cốt lõi (xây dựng) với doanh thu xây dựng tăng 17% YoY, biên lãi gộp tăng 67bps so với cùng kỳ

Tiếp tục gia tăng backlog nhờ thị trường xây dựng hồi phục và vị thế dẫn đầu

Chúng tôi duy trì quan điểm rằng sự hồi phục của thị trường xây dựng sẽ là tiền đề giúp CTD duy trì đà tăng trưởng backlog trong thời gian tới nhờ vị thế dẫn đầu. Một số động lực chính thúc đẩy nguồn cung công việc bao gồm (1) dòng vốn FDI ổn định giúp duy trì backlog công nghiệp, (2) sự hồi phục của thị trường Bất động sản, (3) bổ sung backlog từ các dự án đầu tư công. KBSV ước tính doanh thu của CTD đạt 25,685/27,459 tỷ VND (tăng 22%/7% YoY)

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh cốt lõi ước tính tăng 259%/32% trong FY25/FY26

KBSV ước tính biên lãi gộp của CTD đạt 4.0%/4.5% trong FY25/FY26, chi phí dự phòng ước tính đạt 0.2%/0.3% doanh thu (so với 1.2% trong FY24). Sự hồi phục của thị trường Bất động sản được kỳ vọng sẽ giúp CTD cải thiện tiến độ thu hồi công nợ, giảm rủi ro phát sinh nợ xấu, chi phí dự phòng trong thời gian tới

Mở rộng sang mảng Bất động sản

Covestcons (CTD sở hữu 100%) vừa được chấp thuận chủ trương đầu tư KDC Thành Phú, Long An, dự kiến bán giao hơn 1,000 căn thấp tầng từ 4Q2029. Chúng tôi kỳ vọng dự án Emerald68 được bàn giao trong FY27-FY28, đóng góp 377 tỷ VND lợi nhuận cho CTD

Khuyến nghị TRUNG LẬP với CTD, giá mục tiêu 95,400 VND/cổ phiếu

KBSV khuyến nghị TRUNG LẬP với CTD, giá mục tiêu 95,400 VND/cổ phiếu (+11.6% so với định giá gần nhất), tương ứng với mức lợi nhuận kỳ vọng là 13.6%

TRUNG LẬP thay đổi

Giá mục tiêu	VND 95,400
Tăng/giảm (%)	13.6%
Giá hiện tại (17/03/2025)	VND 84,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 98,900
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	8.4/0.3

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	58.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	109.7/4.3
Sở hữu nước ngoài (%)	49.0%
Cổ đông lớn	
Kustocem	17.9%
KIM	8.0%

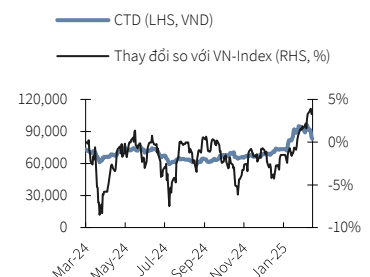
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2.0	25.6	34.7	7.8
Tương đối	-6.7	20.5	28.8	2.9

Dự phóng KQKD & định giá

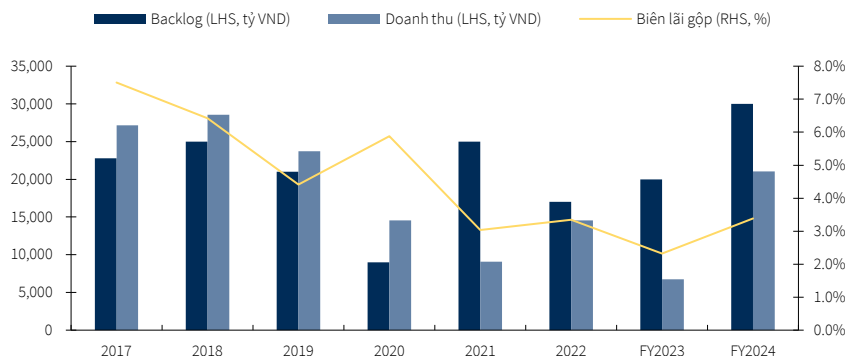
FY-end	FY2023	FY2024	FY2025	FY2026
Doanh số thuần (tỷ VND)	6,744	21,045	25,685	27,549
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	69	306	571	699
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	52	310	467	559
EPS (VND)	663	2,987	4,503	5,395
Tăng trưởng EPS (%)	152%	351%	51%	20%
P/E (x)	78.0	23.5	18.4	15.4
P/B (x)	0.5	0.9	1.0	0.9
ROE (%)	0.6%	3.7%	5.3%	6.1%
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0%	0.0%	1.2%	0.0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Backlog, doanh thu và biên lãi gộp của CTD



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Hoạt động kinh doanh

CTD là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam, công ty hoạt động trong lĩnh vực thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng. Năng lực thi công của của CTD được khẳng định khi bắt tay với các chủ đầu tư trong và ngoài nước như Vinhomes, Vinfast, Lego, etc.

Điểm nhấn đầu tư

Kỳ vọng doanh thu tăng 22.0%/7.3% YoY trong FY25/FY26. Động lực tăng trưởng tới từ (1) backlog lũy kế ở mức cao (35,000 tỷ VND), (2) nguồn cung công việc từ mảng xây dựng công nghiệp ổn định trong trung và dài hạn, (3) hoạt động xây dựng dân dụng gia tăng nhờ ngành Bất động sản hồi phục, (4) backlog bổ sung tới từ các dự án đầu tư công

EBIT tăng 259%/32% trong FY25/FY26. Kỳ vọng hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục tăng trưởng mạnh nhờ (1) biên lãi gộp đạt 4.0%/4.5% và (2) chi phí dự phòng duy trì đạt 0.2%/0.3% doanh thu trong FY25/FY26

Mở rộng sang mảng Bất động sản. Emerald68 dự kiến đóng góp 377 tỷ VND lợi nhuận cho CTD trong giai đoạn FY27-FY28, hơn 1,000 căn thấp tầng tại KDC Thanh Phú, Long An dự kiến bàn giao từ 4Q2029

Chú thích

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

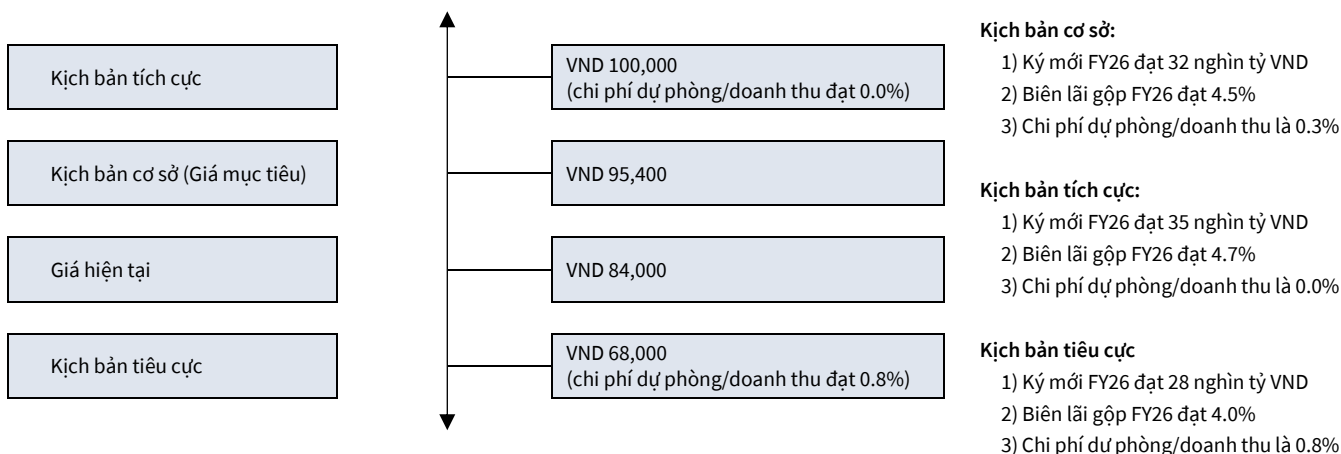
Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	FY2025	FY2026	FY2025	FY2026	FY2025	FY2026	FY2025	FY2026
Doanh thu	25,685	27,549	1.0%	-0.4%	25,181	28,695	2.0%	-4.0%
EBIT	472	622	-3.6%	-0.2%	482	627	-2.0%	-0.9%
LNST công ty mẹ	467	559	-0.7%	-15.8%	513	587	-9.1%	-4.7%

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá



Cập nhật Kết quả Kinh doanh

Bảng 1. Cập nhật Kết quả Kinh doanh

(tỷ VNĐ)	Q2 FY24	Q2 FY25	+/-%YoY	1H FY24	1H FY25	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	5,660	6,886	21.7%	9,784	11,645	19.0%	
Xây dựng	5,653	6,766	19.7%	9,769	11,430	17.0%	
Phân phối vật liệu xây dựng	0	84		0	161		
Cho thuê thiết bị, văn phòng, khác	7	11	46.7%	15	54	262.6%	
Lãi gộp	169	202	19.1%	269	407	51.1%	
Biên lãi gộp	3.0%	2.9%	-6 bps	2.8%	3.5%	74 bps	Biên lãi gộp mảng xây dựng 1H FY25 tăng 67bps YoY
Thu nhập tài chính	67	57	-15.7%	169	128	-24.3%	Mặt bằng lãi suất thấp
Chi phí tài chính	-31	-34	9.7%	-63	-73	15.0%	Nợ vay ngắn hạn Q2 FY25 tăng 353% YoY
Lãi/(lỗ) từ công ty LD	0	0		0	0		
Chi phí SG&A	-122	-107	-12.6%	-205	-225	9.7%	Biên SG&A thuần 1H FY25 giảm 108bps YoY
Lãi/(lỗ) từ HĐKD	83	118	41.1%	170	237	39.6%	
Thu nhập khác, ròng	-1	17		-1	15		
LNTT	89	135	51.1%	176	252	43.3%	
Lợi nhuận sau thuế	69	106	53.7%	136	199	46.7%	Hoàn thành 46% kế hoạch
Lợi nhuận CĐ công ty mẹ	69	106	53.7%	136	199	46.7%	
Biên LNCD công ty mẹ	1.2%	1.5%	32 bps	1.4%	1.7%	32 bps	

Nguồn: CTD, KBSV

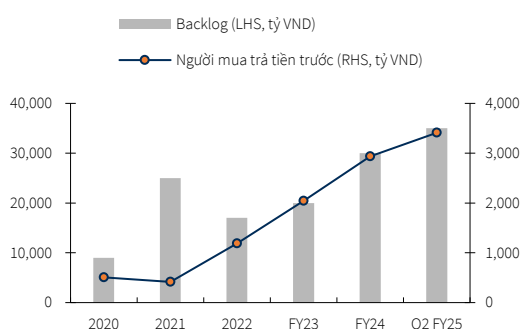
Hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục cải thiện về quy mô

Quy mô mảng xây dựng của CTD tiếp tục cho thấy sự tăng trưởng với backlog và khoản mục người mua trả tiền trước đạt lần lượt 35,000/3,410 tỷ VND (tăng lần lượt 16.7%/16.2% YTD). Đáng chú ý, giá trị hợp đồng ký mới và doanh thu mảng xây dựng trong 1H2024 đạt lần lượt 16,430/11,430 tỷ VND. Điều này phản ánh (1) sự hồi phục của thị trường xây dựng khi nguồn cung công việc hồi phục và (2) năng lực đấu thầu vượt trội của CTD. Chúng tôi duy trì quan điểm rằng backlog của CTD sẽ được hưởng lợi nhờ (1) sự dịch chuyển dòng vốn FDI vào Việt Nam giúp nguồn cung xây dựng công nghiệp ổn định trong dài hạn và (2) thị trường Bất động sản hồi phục (chi tiết xem tại [báo cáo kỳ trước](#)). KBSV ước tính doanh thu của CTD đạt 25,685/27,549 tỷ VND trong FY25/FY26 (tăng 22.0%/7.3% YoY), biên lãi gộp của CTD đạt 4.0%/4.5%.

Đảm bảo tăng trưởng nhờ đa dạng hóa nguồn backlog

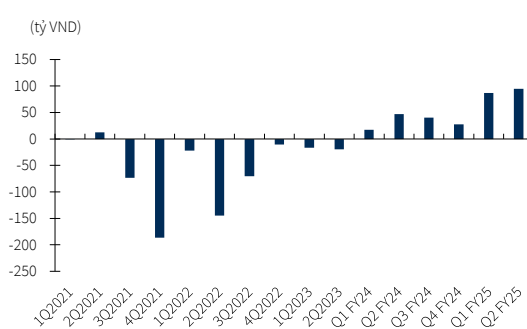
Mới đây, CTD cũng đã giành chiến thắng tại gói thầu 11.5 – thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và lập thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà để xe – thuộc dự án Sân bay Long Thành (SBLT) giai đoạn 1 với giá trị trúng thầu 3,143 tỷ VND, tỷ lệ công việc chưa CTD chưa được bố. CTD cũng đang cạnh tranh tại gói thầu 7.8 – thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình nhà ga hàng hóa số 1 – thuộc SBLT giai đoạn 1. Giá trị hợp đồng đề xuất của liên danh CTD là 3,844 tỷ VND, thấp hơn 7% so với dự toán và thấp hơn so với hai liên danh Thăng Long (VCG đại diện) và Harita (HAN đại diện) lần lượt 4%/5%. Chúng tôi cho rằng các thành công gần đây trong việc đấu thầu các dự án hạ tầng cho thấy (1) năng lực toàn diện trong khả năng thi công của CTD và (2) tiềm năng tăng trưởng vững vàng trong tương lai nhờ đa dạng hóa nguồn backlog. Đặc biệt là khi các dự án đầu tư công hiện đang là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong giai đoạn 2025 – 2030, với kế hoạch giải ngân đầu tư công trong 2025 tăng 41% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 2. Backlog và người mua trả tiền trước của CTD đạt mức cao nhất lịch sử trong Q2 FY25



Nguồn: CTD, KBSV

Biểu đồ 3. EBIT của CTD

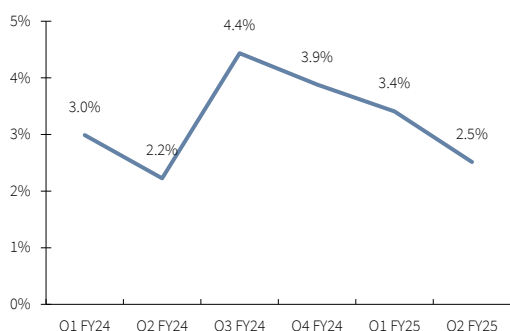


Nguồn: CTD, KBSV

Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện giúp giảm áp lực trích lập nợ xấu

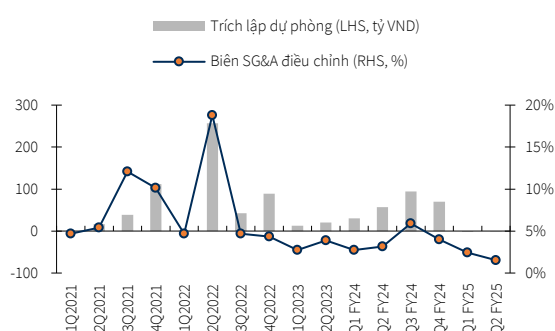
Trong tháng 02/2025, CTD nhận được quyết định 08/2025/QSĐT-KDTM của Tòa án Nhân dân Quận 1, TP. HCM về việc công nhận thỏa thuận hai bên trong hợp đồng thi công. Đây là bước tiến quan trọng giúp CTD hoàn thành mục tiêu quản lý công nợ, nợ xấu của khách hàng trong FY25, từ đó giúp tối ưu SG&A và cải thiện EBIT. KBSV ước tính biên SG&A của CTD đạt 2.2%/2.3% trong FY25/FY26, trong đó, chúng tôi dự phóng biên chi phí dự phòng đạt 0.2%/0.3% nhờ giả định (1) công nợ được kiểm soát chặt chẽ thông qua chiến lược repeat sales, quản trị rủi ro và (2) dòng tiền của các chủ đầu tư Bất động sản dần hồi phục giúp giảm rủi ro phát sinh nợ xấu.

Biểu đồ 4. Nợ xấu ròng/Tổng tài sản



Nguồn: CTD, KBSV

Biểu đồ 5. Trích lập dự phòng và biên SG&A thuần của CTD



Nguồn: CTD, KBSV

Mở rộng sang mảng Bất động sản

Covestcons (CTD sở hữu 100%) và BEHS vừa được nhận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư (KDC) thương mại dịch vụ Thanh Phú, dự án có vị trí tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Dự án được kỳ vọng sẽ bàn giao hơn 1,000 căn thấp tầng vào cuối 2029. Với dự án Emerald68 và KDC Thanh Phú, CTD đang có những bước đầu trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh sang mảng Bất động sản. Chúng tôi kỳ vọng các dự án Bất động sản sẽ (1) giúp gia tăng backlog và tối ưu chi phí nội bộ và (2) đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của CTD trong trung hạn.

Dự phóng Kết quả Kinh doanh

Bảng 6. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	FY2024	FY2025	+/-%YoY	FY2026	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	21,045	25,685	22.0%	27,549	7.3%	Doanh thu tăng 22.0%/7.3% trong FY25/FY26 nhờ (1) backlog YTD đạt 35,000 tỷ VND, (2) kỳ vọng backlog xây dựng dân dụng gia tăng nhờ thị trường Bất động sản hồi phục, (3) kỳ vọng nguồn cung công việc mảng xây lắp công nghiệp duy trì ổn định, (4) dần bổ sung backlog từ các dự án đầu tư công
Lợi nhuận gộp	713	1,030	44.6%	1,247	21.1%	
Biên lợi nhuận gộp	3.4%	4.0%	62 bps	4.5%	52 bps	Biên lãi gộp cải thiện nhờ (1) tỷ trọng doanh thu từ các dự án mới gia tăng và (2) tối ưu chi phí thi công sau khi sáp nhập UG M&E và Sinh Nam
Lãi tiền gửi	129	153	18.8%	176	14.7%	
Chi phí lãi vay	-92	-133	45.0%	-154	15.9%	Chi phí lãi vay tăng 45% trong FY25 do nợ vay ngắn hạn tăng
Lãi/lỗ tài chính khác	137	78	-42.9%	55	-29.7%	Lùi thời điểm ghi nhận lợi nhuận từ dự án Emerald68 sang FY2027 (so với báo cáo kỳ trước là từ FY2026)
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	0	0		0		
SG&A	-581	-558	-4.0%	-625	12.1%	Giả định chi phí dự phòng/doanh thu là 0.2%/0.3% trong FY25/FY26
Lãi/ lỗ từ hoạt động kinh doanh	306	571	86.4%	699	22.4%	
Thu nhập khác	73	15	-79.7%	0		
Lợi nhuận trước thuế	387	586	51.6%	699	19.3%	
Lợi nhuận sau thuế	310	467	50.7%	559	19.8%	
LNST công ty mẹ	310	467	50.8%	559	19.8%	
Biên LNST	1.5%	1.8%	35 bps	2.0%	21 bps	

Nguồn: CTD, KBSV

Định giá

Khuyến nghị TRUNG LẬP với CTD, giá mục tiêu 95,400 VND/cổ phiếu

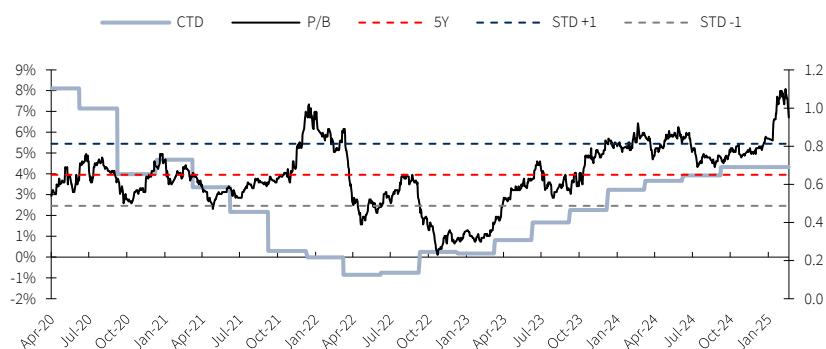
Giá cổ phiếu CTD đã tăng 21% từ đầu năm tới nay, với mức giá đóng cửa cao nhất là 96,000 VND/cổ phiếu, tương ứng với PBR TTM là 1.1x. Chúng tôi cho rằng đà tăng trên đã phản ánh tiềm năng tăng trưởng backlog, doanh thu của CTD nhờ nguồn cung công việc xây dựng cải thiện. Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá PBR mục tiêu, với BVPS dự phóng cho FY26 và hệ số mục tiêu là 1.05x để xác định giá mục tiêu của CTD là 95,400 VND/cổ phiếu (tăng 11.6% so với giá mục tiêu kỳ trước). Giá mục tiêu trên tương ứng với PER, EV/EBIT forward đạt lần lượt 17.7x/15.9x trong FY2026.

Bảng 7. Tổng hợp định giá

Phương pháp	Hệ số mục tiêu	Định giá	Tỷ trọng	Giá mục tiêu
PBR mục tiêu	1.1	95,400	100%	95,400

Nguồn: KBSV

Biểu đồ 8. Tương quan PBR và ROE của CTD



Nguồn: KBSV

CTD – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng FY23 (A) – FY26 (F)

Báo cáo Kết quả HKKD (Tỷ VND) (Báo cáo chuẩn)					Bảng cân đối kế toán (Tỷ VND) (Báo cáo chuẩn)				
	FY2023	FY2024	FY2025	FY2026		FY2023	FY2024	FY2025	FY2026
Doanh số thuần	6,744	21,045	25,685	27,549	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	21,375	22,869	27,227	29,112
Giá vốn hàng bán	-6,588	-20,333	-24,655	-26,302	TÀI SẢN NGẮN HẠN	19,884	20,456	25,027	27,258
Lãi gộp	157	713	1,030	1,247	Tiền và tương đương tiền	1,883	2,210	2,563	2,577
Thu nhập tài chính	179	280	153	176	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	2,180	1,868	2,189	2,189
Chi phí tài chính	-67	-105	78	55	Các khoản phải thu	12,079	12,024	13,661	15,541
Trong đó: Chi phí lãi vay	-49	-92	-133	-154	Hàng tồn kho, ròng	3,148	3,126	5,092	5,429
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	-7	0	0	0	TÀI SẢN DÀI HẠN	1,491	2,413	2,200	1,854
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	Phải thu dài hạn	399	699	516	516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-193	-581	-558	-625	Tài sản cố định	523	456	439	426
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	69	306	571	699	Tài sản cố định dài hạn	33	115	115	115
Thu nhập khác	2	85	15	0	Đầu tư dài hạn	304	309	316	316
Chi phí khác	-2	2	15	0	Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Thu nhập khác, ròng	0	73	15	0	NỢ PHẢI TRẢ	13,103	14,278	18,273	19,599
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0	Nợ ngắn hạn	12,603	14,223	18,232	19,558
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	69	387	586	699	Phải trả người bán	5,196	6,161	8,631	9,780
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-17	-77	-119	-140	Người mua trả tiền trước	697	1,519	2,530	2,798
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	52	310	467	559	Vay ngắn hạn	6,710	6,543	7,070	6,980
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	Nợ dài hạn	500	54	41	41
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	52	310	467	559	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	10	10
					Vay dài hạn	498	21	0	0
					Phải trả dài hạn khác	3	33	31	31
Chỉ số hoạt động	FY2023	FY2024	FY2025	FY2026	VỐN CHỦ SỞ HỮU	8,272	8,591	8,954	9,513
Tỷ suất lợi nhuận gộp	2.3%	3.4%	4.0%	4.5%	Vốn góp	788	1,036	1,036	1,036
Tỷ suất EBITDA	1.0%	1.0%	2.2%	2.6%	Thặng dư vốn cổ phần	2,958	2,880	2,880	2,880
Tỷ suất EBIT	0.2%	0.8%	1.9%	2.3%	Quỹ khác	4,136	3,977	3,977	3,977
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	1.0%	1.8%	2.3%	2.5%	Lãi chưa phân phối	388	698	1,061	1,620
Tỷ suất lãi hoạt động KD	1.0%	1.5%	2.2%	2.5%	Vốn ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0
Tỷ suất lợi nhuận thuần	0.8%	1.5%	1.8%	2.0%	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1	1	1	1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tỷ VND)	FY2023	FY2024	FY2025	FY2026	Chỉ số chính (x, %, VND)	FY2023	FY2024	FY2025	FY2026
Lãi trước thuế	69	387	586	699	Chỉ số định giá				
Khấu hao TSCĐ	51	44	74	72	P/E	78.0	23.5	18.4	15.4
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-169	-239	0	0	P/E pha loãng	78.0	23.5	18.4	15.4
Chi phí lãi vay	50	92	133	154	P/B	0.5	0.9	1.0	0.9
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	61	590	793	925	P/S	0.6	0.3	0.3	0.3
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-986	-1,558	-1,454	-1,880	P/Tangible Book	7.8	15.9	19.6	20.2
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-308	201	-1,966	-337	P/Cash Flow	4.4	299.4	-55.6	-43.3
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	2,228	1,180	2,480	1,149	Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	285.3	41.5	15.8	12.4
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-1	-215	0	0	Giá trị doanh nghiệp/EBIT	-112.3	55.2	18.2	13.8
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-64	-174	-8	-55					
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	931	24	-155	-198	Hiệu quả quản lý				
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-40	-551	-51	-55	ROE%	1%	4%	5%	6%
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	0	24	0	0	ROA%	0%	1%	2%	2%
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-1,769	-3,630	-328	0	ROIC%	1%	3%	4%	5%
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	1,417	4,282	0	0	Cấu trúc tài chính				
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	-264	0	0	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.1	0.2	0.1	0.1
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	65	0	0	Tỷ suất thanh toán nhanh	1.3	1.1	1.0	1.0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	157	314	0	0	Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.6	1.4	1.4	1.4
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-235	240	-379	-55	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.1	0.0	0.0	0.0
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	6	7	0	0	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.0	0.0	0.0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	0.1	0.2	0.3	0.3
Tiền thu được các khoản đi vay	817	3,978	990	267	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.0	0.1	0.1	0.1
Trần trả các khoản đi vay	-700	-3,921	0	0	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	1.4	1.5	1.8	1.8
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	-1	0	0	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.6	0.6	0.6	0.6
Cổ tức đã trả	0	0	-104	0	Tổng công nợ/Vốn CSH	1.4	1.5	1.8	1.8
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.6	0.6	0.6	0.6
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	122	63	886	267	Chỉ số hoạt động				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	818	328	353	14	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	2.0	1.9	1.8	1.9
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1,064	1,883	2,210	2,563	Hệ số quay vòng HTK	2.2	6.5	6.0	5.0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1,883	2,210	2,563	2,577	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	4.0	4.3	3.3	2.9

Nguồn: KBSV

KHOI PHAN TICH CONG TY CHUNG KHOAN KB VIET NAM

Khối phân tích

research@kbsec.com.vn

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích

binhnx@kbsec.com.vn

Tài chính

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm

tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích

linhpp@kbsec.com.vn

Hàng tiêu dùng

Nguyễn Đức Quân – Chuyên viên phân tích

quannnd@kbsec.com.vn

Nguyễn Hoàng Duy Anh – Chuyên viên phân tích

anhnhd@kbsec.com.vn

Bất động sản

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm

ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Trang – Chuyên viên phân tích

trangnt6@kbsec.com.vn

Công nghiệp & Vật liệu

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích

anhntn@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích

nguyennd1@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Chiến lược

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & chiến lược

anhhd@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích

tienss@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích

thuannd@kbsec.com.vn

Năng lượng, Tiện ích & Công nghệ

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích

hieupm@kbsec.com.vn

Nguyễn Việt Anh – Chuyên viên phân tích

anhnv3@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ

thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ

huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên đọc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.